

## English lesson (20/ 02/ 2022)

### 1. Viết (1) cho N đếm được số ít, (2) N số nhiều, (3) N không đếm được

|        |          |          |          |
|--------|----------|----------|----------|
| Juice  | Carrots  | Clams    | Bread    |
| Squids | Cucumber | Mushroom | Peach    |
| Garlic | Beef     | Broccoli | Biscuits |
| Mango  | Onions   | Burger   | Lamb     |
| Shrimp | Flour    | Broccoli | Sauce    |

### 2. Odd and one out (Danh từ đếm được/ không đếm được)

|     |             |           |            |            |  |
|-----|-------------|-----------|------------|------------|--|
| 1.  | A. ketchup  | B. pizza  | C. burger  | D. raisin  |  |
| 2.  | A. bread    | B. butter | C. milk    | D. carrot  |  |
| 3.  | A. clam     | B. pork   | C. coconut | D. chili   |  |
| 4.  | A. yogurt   | B. salt   | C. cream   | D. grape   |  |
| 5.  | A. wine     | B. cheese | C. peach   | D. garlic  |  |
| 6.  | A. smoothie | B. mango  | C. onion   | D. hot dog |  |
| 7.  | A. cabbage  | B. oil    | C. sugar   | D. juice   |  |
| 8.  | A. avocado  | B. burger | C. sauce   | D. tomato  |  |
| 9.  | A. shrimp   | B. lemon  | C. beer    | D. crab    |  |
| 10. | A. lemonade | B. soup   | C. flour   | D. egg     |  |

### 3. A/ An or Some

|               |                |               |
|---------------|----------------|---------------|
| _____ plum    | _____ broccoli | _____ onion   |
| _____ pears   | _____ avocado  | _____ noodles |
| _____ coconut | _____ milk     | _____ cheese  |

### 4. Complete the conversation

|                                                                                                                                                                            |                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 0.   | A: Would you like ...an apple...?<br>B: No, thanks. |
| 1.   | A: Would you like .....?<br>B: .....                |
| 2.   | A: Would you like .....?<br>B: .....                |

|                                                                                                                                                                        |                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 3.   | A: Would you like .....?<br>B: ..... |
| 4.   | A: Would you like .....?<br>B: ..... |
| 5.   | A: Would you like .....?<br>B: ..... |

### 5. Reorder the question and answer. (sắp xếp câu hỏi và trả lời)

-  do / does / John / What / ? / .....  
.....
-  is / chef / a / Where / ? / .....  
.....
-  would / you / to / like / What / drink / ? / .....  
.....
- like / an / Would / avocado / you / ? / ..... No, .....
- like / some / Would / noodles / you / ? / ..... Yes, .....
-  opening / When / school / is / ? / .....  
.....
-  the / is / What / today / date / ? / .....  
.....
-  to / What / you / would / like / eat / ? / .....  
.....
-  food / is / your / What / favorite / ? / .....  
.....